TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 25-8-2025
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển

2. Bà Quang Kim Cúc

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Từ Thị Minh Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1982;

2. Chị Đoàn Thị Kim N1, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số G, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ là: số G, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của chị N1 và anh N là anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994; Địa chỉ liên hệ: số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền (hợp đồng uỷ quyền ngày 26/3/2025) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thanh T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ là: số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trình bày ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T cùng trình bày:

Ngày 16/3/2024, vợ chồng anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 có cho chị Lê Thanh T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng, chị T1 có làm biên nhận. Đến ngày 25/01/2025 vợ chồng anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 tiếp tục cho chị Lê Thanh T1 vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận thời hạn trả là 01, đến ngày 15/02/2025 thì chị T1 làm biên nhận. Sau khi đến hạn trả thì vợ chồng anh N và chị N1 đã nhiều lần yêu cầu chị T1 trả nợ tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng nhưng chị T1 cứ hẹn mà không trả tiền cho vợ chồng anh N và chị N1.

Nay anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 yêu cầu chị Lê Thanh T1 trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Trong bản trình bày ý kiến ngày 25/8/2025 và tại phiên toà bị đơn Lê Thanh T1 trình bày: Ngày 16/3/2024, chị T1 có mượn của vợ chồng anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 số tiền 50.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng, chị T1 có làm biên nhận. Đến ngày 25/01/2025, chị T1 tiếp tục mượn vợ chồng anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 số tiền 50.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận thời hạn trả là 01, đến ngày 15/02/2025 thì chị T1 làm biên nhận. Do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay chị T1 chưa trả cho anh N và chị N1 khoản tiền trên.

Nay chị Lê Thanh T1 thừa nhận nợ và đồng ý trả cho vợ chồng anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; nguyên đơn anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 yêu cầu bị đơn chị Lê Thanh T1 có nghĩa vụ trả vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, nguyên đơn xác định không có tranh chấp gì khác. Do đó, xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn chị Lê Thanh T1 thường trú tại số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Xét thấy, việc vắng mặt của anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 yêu cầu chị Lê Thanh T1 trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 16/3/2024 và biên nhận ngày 15/02/2025 do phía nguyên đơn cung cấp có nội dung chị Lê Thanh T1 có mượn của anh N và chị N1 tổng số tiền là 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả nợ là 01 tháng; Sau khi nhận tiền thì chị T1 đồng ý ký tên vào các biên nhận. Sau khi vay tiền anh N và chị N1 đã nhiều lần yêu cầu chị T1 trả nợ nhưng chị T1 cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả nợ cho anh N và chị N1.

Chị T1 thừa nhận nợ và đồng ý trả cho chị N1 và anh N số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hợp đồng cho vay này là có thật. Tại thời điểm hai bên thỏa thuận ký biên nhận thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận hai bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, lúc giao kết vay hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng vay được xem là hợp pháp. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng chị T1 chưa trả đầy đủ tiền gốc cho vợ chồng anh N và chị N1 là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Theo Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: *" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Do chị Lê Thanh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 yêu cầu chị Lê Thanh T1 trả số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 được chấp nhận nên anh N và chị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng.

Chị Lê Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1.

Buộc chị Lê Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Anh Lê Hoàng N và chị Đoàn Thị Kim N1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006269, ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (M).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Nhựt Minh